

Bản án số: 366/2018/HS-PT  
Ngày: 05/9/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Công Huấn.

1. Ông Trần Minh Châu

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Quỳnh Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 310/2018/HSPT ngày 17/7/2018 đối với bị cáo Phạm Quang S, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3643/2018/QĐXXPT-HS ngày 10/8/2018, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: **Phạm Quang S**; giới tính: nam; sinh năm 1969 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 27/23B đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang X (chết), Phạm Thị Y; hoàn cảnh gia đình: hiện sống chung như vợ chồng với bà Nguyễn Thị Mộng R;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

***Những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:***

*Bị hại:*

1. Ông Trương Ngọc L; sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú: B56/4 đường G, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

2. Bà Phạm Phương N; sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: B56/4 đường G, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8 năm 2017, qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Quốc Hoàng, bị cáo Phạm Quang S có quen biết với bị hại Trương Ngọc L. Qua tiếp xúc với ông L, biết được ông L có nhu cầu cho thuê xe ô tô nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông L. Để thực hiện ý định này, S tự giới với ông L rằng S là trung tá công an, đang làm việc Phòng PC17 Công an Thành phố Hồ Chí Minh, S có thể giới thiệu và làm môi giới để ông L ký hợp đồng cho Đại sứ quán Ba Lan thuê xe với giá 2.200USD một tháng nhưng với điều kiện là ông L phải trả cho S tiền môi giới là 200USD một tháng, trả hàng tháng tương ứng với thời gian cho thuê xe, hoặc là ông L trả tiền môi giới cho S một lần với số tiền là 50.000.000đ. Để tạo lòng tin với ông L, vào ngày 03/10/2017, S còn nhờ Tú (là người quen của S nhưng không rõ lai lịch) gặp ông L, mạo nhận là người đang làm việc ở Bộ Công an, đứng ra làm môi giới cho thuê xe. Tin là thật nên ông L đồng ý và chọn phương án là sẽ trả cho S tiền môi giới một lần với số tiền 50.000.000đ. Sau đó, vào ngày 06/10/2017, ông L và vợ là bà Trần Phạm Phương N đã giao cho S 20.000.000đ ở tại quán “Dê 79” ở địa chỉ số 228, đường số 48, Phường 5, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; ngày 08/10/2017, ông L và bà N tiếp tục giao cho S 30.000.000đ ở quán cà phê “Coffee Bean” ở địa chỉ số 96 đường Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi nhận tiền do ông L giao vào ngày 08/10/2017, S sử dụng 10.000.000đ trả nợ cho ông L (trước đó, S vay của ông L) và hẹn sáng ngày 09/10/2017 sẽ đưa ông L đi ký hợp đồng cho thuê xe. Sau đó, S tắt điện thoại và cố tình tránh mặt vợ chồng ông L.

Ngày 17/10/2017, ông L và ông Hoàng gặp S ở trên đường Trương Quốc Dung, quận Phú Nhuận nên đã đưa S đến Công an Phường 12, Quận K để trình báo. Đến ngày hôm sau (18/10/2017), bà Nguyễn Thị Mộng R (người sống như vợ chồng với S đã tự nguyện bồi thường cho ông L 35.000.000đ, ông L tự nguyện làm đơn bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự đối với S (bl.36).

Ngày 25/12/2017, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận K ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với S.

Trong quá trình điều tra, S thừa nhận: Vì không có tiền để tiêu xài nên S đã có hành vi phạm tội như đã nêu trên. Số tiền chiếm đoạt được của ông L, S

đã sử dụng như sau: Trả cho ông L 10.000.000đ; trả nợ cho người khác 20.000.000đ; chuộc lại một chiếc lăc mà trước đó S mang đi cầm hết 11.000.000đ; còn lại 9.000.000đ, S sử dụng tiêu xài cho cá nhân.

Cáo trạng số 37/CTr-VKS ngày 09/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi năm 2009 (Bộ luật Hình sự năm 1999).

Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Quang S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b và p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999,

Xử phạt bị cáo Phạm Quang S 1 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự.

Ngày 18/6/2018, bị cáo có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do: Gia đình bị cáo là người có công với cách mạng, được Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương Kháng chiến Hạng Nhất, bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi mẹ già 98 tuổi. Đồng thời bị cáo có nộp bản sao Huân chương Kháng chiến Hạng Nhất của ông Nguyễn Quang X và bà Phạm Thị Y.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo như sau: Mức án mà Tòa án nhân dân Quận K đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm, đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Việc kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ, có căn cứ để xác định: Vào tháng 10/2018, lợi dụng sự quen biết với ông Trương Ngọc L và biết được ông L có nhu cầu cho thuê xe hơi, S đã lừa dối vợ chồng ông L để chiếm đoạt của vợ chồng ông L 50.000.000đ. S đã sử dụng số tiền này để trả nợ cho chính ông L 10.000.000đ; phần tiền còn lại, S sử dụng vào trả nợ, chuộc tài sản đã cầm cố và tiêu xài cá nhân.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được luật pháp bảo vệ; gây mất trật tự trị an xã hội, tạo tâm lý hoài nghi lẫn nhau giữa người với người trong xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng do động cơ tư lợi nên vẫn cố ý vi phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo theo tội danh, điều khoản như đã vừa nêu là có căn cứ. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; tác động đến người thân thực hiện việc khắc phục hậu quả, được người bị hại bãi nại. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng b và p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án 1 năm tù là có căn cứ.

[4]. Về việc bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo:

Bị cáo có cha và mẹ (ông Nguyễn Quang X và bà Phạm Thị Y) là người có công với cách mạng, được Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương Kháng chiến Hạng Nhất. Cần xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, đây là tình tiết mới phát sinh trong giai đoạn xét xử phúc thẩm nên chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Bị cáo có mẹ đẻ là bà Y đã 98 tuổi. Tuy nhiên, theo lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thì hoàn cảnh gia đình bị cáo đang gặp khó khăn, bị cáo đang phải thuê nhà ở nên bị cáo đã đưa bà Y đến sống chung nhà với anh ruột của bị cáo. Do vậy, việc bị cáo nêu lý do bị cáo là lao động chính, phải nuôi mẹ già là không có cơ sở.

Trong vụ án này, ngay sau khi bị ông L tìm gặp đưa đến Công an Phường 12, Quận K trình báo vào ngày 17/10/2017, vào ngày hôm sau (18/10/2017), bị cáo đã tác động đến người thân là bà Thu (người sống chung như vợ chồng với bị cáo) bồi hoàn ngay cho ông L 35.000.000đ và được ông L làm đơn bãi nại,

không yêu cầu xử lý hình sự. Đến ngày 25/12/2017, Cơ quan điều tra mới khởi tố vụ án. Như vậy, hậu quả thiệt hại về vật chất đã được bị cáo khắc phục trước khi khởi tố vụ án hơn 2 tháng. Đây cũng là căn cứ để xác định bị cáo thật sự ăn năn, hối cải, có khả năng tự cải tạo; mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội là có hạn chế.

Như đã nhận định, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới cần được xem xét và cũng có tình tiết mà bị cáo nêu ra để xin giảm nhẹ là không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ vi phạm như đã nêu và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng; mặt khác, bị cáo là người có nơi cư trú ổn định. Do vậy, cần cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng mà chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5].Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1.Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Quang S; sửa bản án sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Quang S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b và p khoản 1 Điều 46, Điều 47, khoản 1 và 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Phạm Quang S 1 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

2.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)*

*Nơi nhận:*  
- TAND TC;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
(1)

- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND Quận K; (1)
- PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự: (1)
- Chi Cục THA Quận K; (1)
- TAND Quận K; (2)
- Công an Quận K; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). (4)

## **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

## **Trương Công Huấn**